TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 21-4-2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-7-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27-7-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Q Tổ C ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 15-5-2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu bà H và ông T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không có sự chia sẻ trong cuộc sống, nhiều lần cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Dù đã hàn gắn nhưng các bên đều nhận thấy không còn yêu thương nhau nên không thể tiếp tục chung sống. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26-9-2011. Sau khi ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà H xác định giữa ông với ông T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có văn bản trình bày:

Ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

Về con chung: Ông T đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu **phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26-9-2011 cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T có địa chỉ tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Ngọc T có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 15-5-2009 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu thì bà H và ông T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay cả bà H và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Nhận thấy, hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ và chồng cùng yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, giữa bà H và ông T không có được điều đó, thể hiện ở việc bà H khai từ năm 2011 cho đến nay bà H đã chuyển về sống tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cũng từ năm 2011 cho đến nay, ông T và bà H không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng xác nhận và đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26-9-2011. Sau khi ly hôn, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và ông T cũng đồng ý việc này, xét thấy cháu D hiện đang ở với bà H và có nguyện vọng được ở với bà H; do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và tránh xáo trộn môi trường sống của trẻ nhỏ nên giao cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Ngọc T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26-9-2011 cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000895 ngày 14-4-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà H đã nộp xong.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Di Nguyễn Thị Thủy Hồ Hạnh Nguyên